TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ - PT.
Ngày: 20-9-2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trường Sơn;
Bà Lê Thị Thu Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tấn- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Nguyễn Kim Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2019/TLPT- HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 20/2019/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã P bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 28/2019/QĐXXPT - HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:Chị Trần Thị N, sinh năm 1986
HKTT: Thôn 04, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.
Hiện cư trú: khu 2, xã Q, huyện H, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Cao Minh C, sinh năm 1985
Cư trú tại: Thôn 04, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Cao Minh C
Ông: Nguyễn Đức H – luật sư văn phòng Luật sư H, Phú Thọ
Địa chỉ: Số nhà 15, tổ 2, khu X, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

4. Người kháng cáo: anh Cao Minh C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Trần Thị N trình bày:

Chị và bị đơn là anh Cao Minh C kết hôn với nhau vào ngày 14/11/2009 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau ngày cưới, vợ chồng ở chung cùng bố mẹ anh C tại xã P. Qúa trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến tháng 12/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh C có nói với chị là nợ nần khi đi du học ở Nhật Bản, bảo chị làm đơn ly hôn để không ảnh hưởng đến chị và con nhưng chị không đồng ý. Đến tháng

5/2018 anh C về nước, hai bên xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Từ ngày 17/9/2018 do bị anh C đánh nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã Q, huyện H, tỉnh Phú Thọ để ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Trong bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử tại Tòa án, bị đơn là anh Cao Minh C xác nhận về thời gian kết hôn và quá trình chung sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do chị N không liên lạc với anh trong thời gian anh đi du học. Đến khi về nước, chị N không quan tâm đến gia đình, không chịu khó làm ăn. Anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không nghe. Ngày 17/9/2018 do chị N đã chửi, xúc phạm mẹ anh nên anh đã cáu và tát chị N, chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh cũng không còn tình cảm, chị N xin ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Chị N và anh C xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Cao Gia H, sinh ngày 07/9/2011. Hiện cháu H đang ở cùng anh C và bố mẹ anh C. Nếu ly hôn chị N, anh C đều đề nghị được nuôi con và không yêu bên kia phải cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N và anh C đều xác nhận không có.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 20/2019/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Cao Minh C.

- Về con chung: Buộc anh Cao Minh C giao cháu Cao Gia H, sinh ngày 07/9/2011 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/5/2019, anh Cao Minh C có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết giao cho anh được quyền nuôi cháu Cao Gia H.

Tại phiên toà phúc thẩm anh C vẫn giữ nguyên quan điểm về toàn bộ nội dung đã kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Cao Minh C đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng các tài liệu chứng cứ do anh C và gia đình nộp tại cấp phúc thẩm để đề nghị giao con cho anh C chăm sóc nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và hội đồng xét xử, thư ký phiên toà khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của đương sự đúng hạn

luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo xét thấy không có cơ sở chấp nhận, nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, của các đương sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Đ đã thụ lý vụ án, lấy lời khai của đương sự, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đồng thời tiến hành hòa giải giữa chị N và anh C. Anh chị không thống nhất thỏa thuận được về con chung. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Đ đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của anh Cao Minh C còn trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

Về việc luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh C tại phiên tòa phúc thẩm có ý kiến: cháu H đã trên 7 tuổi nhưng không được cấp phúc thẩm triệu tập đến phiên tòa để lấy nguyện vọng của cháu. Hội đồng xét xử xét thấy, không cần thiết phải triệu tập cháu đến tòa vì tại cấp sơ thẩm cháu H đã được thể hiện nguyện vọng và tránh làm ảnh hưởng tổn thương đến cháu nên không triệu tập cháu đến tòa là phù hợp mà vẫn đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của cháu.

[2] Về nội dung kháng cáo: Anh C kháng cáo không nhất trí để chị N được nuôi cháu Cao Gia H. Nhận thấy:

Về con chung, chị N, anh C đều thống nhất xác định có 01 con chung là cháu Cao Gia H, sinh ngày 07/9/2011. Sau khi ly hôn, nguyện vọng của chị N và anh C đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu bên kia phải có nghĩa vụ cùng cấp dưỡng nuôi con. Xét anh C, chị N đều xin được nuôi con chung, nguyện vọng của cả hai anh chị là chính đáng. Tại cấp phúc thẩm anh C cung cấp thêm hiện nay anh đang làm phiên dịch cho 01 công ty ở Hà Nội và làm việc cho 01 công ty tại thành phố V nên thu nhập trung bình của anh 17 triệu /01 tháng đủ đảm bảo về vật chất để nuôi con. Mặt khác anh cùng gia đình nộp bổ sung tài liệu chứng cứ về việc trong thời gian cháu H ở với ông bà nội, ông bà chăm sóc tốt cho cháu, tạo điều kiện tốt nhất cũng như nộp học phí cho cháu khi đến trường. Xét thấy, các tài liệu này là có cơ sở. Tuy nhiên, xét thấy sau khi cưới anh chị ở tại gia đình nhà anh, trong thời gian anh C đi du học ở Nhật Bản từ năm 2014 đến năm 2018, cháu H ở nhà được chị N cùng gia đình anh trực tiếp chăm sóc. Chỉ sau khi anh C về nước, do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh chị ly thân, chị về nhà mẹ ở nên cháu H ở lại cùng anh C và ông bà nội. Tuy nhiên, khi thể hiện nguyện vọng của cháu H tại cấp sơ thẩm. Lúc đầu, cháu H có nguyện vọng muốn được ở với mẹ sau đó tại phiên tòa ngày 25/4/2019 anh C đã nộp cho Tòa án đơn cháu H thể hiện nguyện vọng muốn được ở với bố. Việc cháu thay đổi nguyện vọng là do có sự tác động, cháu viết theo hai tờ giấy để sẵn trên bàn học. Mặc dù vậy, việc xem xét nguyện vọng của con cũng chỉ là một yếu tố chưa phải là điều kiện quyết định việc Tòa án quyết định giao con chung cho ai trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng. Việc giao con cho ai cần phải xem xét đến các điều kiện khác của các bên. Bên cạnh đó nhận thấy cháu H còn nhỏ nên việc chị N và anh C xin ly hôn đã phần nào làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu nên cháu có những quan điểm thay đổi.

Theo quy định tai khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân gia đình: Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con trong trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét thấy, về điều kiện nuôi con cả hai anh chị đều đủ điều kiện và thu nhập ổn định để nuôi cháu H. Tuy nhiên, cháu H còn nhỏ, cần được mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Mặt khác một trong các cơ quan quản lý nhà nước về gia đình trẻ em theo quy định tại điều 208 BLTTDS và quy định của chính phủ là Hội liên hiệp phụ nữ xã P có ý kiến đề nghị giao cháu Huy cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc chị N là người làm mẹ, có mong muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con là yêu cầu hợp pháp và hoàn toàn hợp lý về đạo đức cũng như pháp luật. Do vậy, tòa án nhân dân huyện Đ đã giao cháu H cho chị N được quyền chăm sóc nuôi dưỡng là có cơ sở, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ. Vì vậy Kháng cáo của anh Cao Minh C, và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Cao Minh C không được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: do chị N không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không đặt ra để giải quyết là phù hợp.

[3]Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

[4]Về án phí phúc thẩm, do kháng cáo của anh C không được chấp nhận nên anh C phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháplуật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự

1. Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của anh Cao Minh C.

2. Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 20/2019/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Cao Minh C.

- Về con chung: Buộc anh Cao Minh C giao cháu Cao Gia H, sinh ngày 07/9/2011 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày tuyên án

4. Về án phí phúc thẩm : Buộc anh Cao Minh C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Xác nhận anh Cao Minh C đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0003187 ngày 29/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- TAND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Hương